

PHỤ LỤC

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ TỪ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân Lai Châu)

Biểu kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị Quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025				Biểu đề xuất từ năm 2026				Ghi chú
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường	
1	Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý			1	Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý			Sắp xếp thứ tự sắc thuế theo Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
a	Thuế giá trị gia tăng	100		a	Thuế tài nguyên	100		
				b	Thuế giá trị gia tăng		100	
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100			Trong đó: Thuế GTGT được khấu trừ tại phòng giao dịch Kho bạc nhà nước đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT	100		
c	Thuế tài nguyên	100		c	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		
d	Lệ phí môn bài	100						Bỏ lệ phí môn bài theo quy định tại Khoản 7, Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 15/7/2025
2	Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Công ty Cổ phần và chi nhánh các doanh nghiệp tỉnh khác đóng trên địa bàn tỉnh do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu			2	Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Công ty Cổ phần, Công ty TNHH và chi nhánh các doanh nghiệp tỉnh khác đóng trên địa bàn tỉnh do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu			Sắp xếp thứ tự sắc thuế theo Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
a	Thuế giá trị gia tăng	100		a	Thuế tài nguyên	100		
					Trong đó:			
b	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		+	Thuế tài nguyên nước các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống	100		
c	Thuế tài nguyên	100		b	Thuế giá trị gia tăng (trừ công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống)	100		
					Trong đó: Thuế GTGT được khấu trừ tại phòng giao dịch Kho bạc nhà nước đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn NSNN, các dự án ODA thuộc diện chịu thuế GTGT		100	
				c	Thuế thu nhập doanh nghiệp (trừ công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống)	100		
d	Lệ phí môn bài	100						Bỏ lệ phí môn bài theo quy định tại Khoản 7, Điều 10 Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025

Biểu kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị Quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025				Biểu đề xuất từ năm 2026				Ghi chú
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường	
-	Thu hoàn vốn (Doanh nghiệp có vốn tham gia của Nhà nước)	100		d	Thu hoàn vốn (Doanh nghiệp có vốn tham gia của Nhà nước)	100		
				3	Thu từ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tư nhân, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp tính khác kinh doanh trên địa bàn xã, phường do cơ quan cấp xã quản lý thu			Khoản thu này trước khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp là khoản thu phân cấp ngân sách huyện, thành phố hưởng 100%. Từ ngày 01/7/2025 thực hiện hướng dẫn của Bộ Tài chính điều chỉnh phân cấp nguồn thu và chuyển nguồn thu này về ngân sách tỉnh hưởng 100%. Thực hiện Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 địa phương phân cấp khoản thu này về cấp xã hưởng 100% bao gồm cả khoản thu đối với công trình tùy điện có công suất từ 15 MV trở xuống
				a	Thuế tài nguyên		100	
					Trong đó:			
				-	Thuế tài nguyên nước các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống		100	
				b	Thuế giá trị gia tăng (Bao gồm cả các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống)		100	
				c	Thuế thu nhập doanh nghiệp (Bao gồm cả các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống)		100	
3	Thu hoạt động kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân (Không kể hoạt động kinh doanh vận tải)			4	Thu hoạt động kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân (Không kể hoạt động kinh doanh vận tải)			Sắp xếp thứ tự sắc thuế theo Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
a	Thuế giá trị gia tăng	100		a	Thuế tài nguyên		100	
b	Thuế tài nguyên	100		b	Thuế giá trị gia tăng		100	
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		c	Thuế tiêu thụ đặc biệt		100	
d	Lệ phí môn bài	30	70					Bỏ khoản thu này đối với Hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Khoản 7, Điều 10, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 kể từ ngày 01/01/2026
8	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	100		5	Thu tiền cho thuê mặt nước			Sắp xếp thứ tự sắc thuế theo Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025

Biểu kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị Quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025				Biểu đề xuất từ năm 2026				Ghi chú
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường	
				-	Tổ chức, doanh nghiệp	100		Theo Phân cấp của Luật NSNN năm 2015 thì khoản thu này phân cấp có địa phương hưởng 100%, địa phương phân cấp cho cấp huyện hưởng 100%. Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thì sửa phân cấp về cấp tỉnh hưởng 100% theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Tuy nhiên Luật NSNN năm 2025 thì khoản thu này thuộc khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP. Do đó, địa phương phân cấp theo hướng phân chia giữa cấp tỉnh và cấp xã theo đối tượng quản lý thuế: Tổ chức, doanh nghiệp thuế ngân sách tỉnh hưởng 100%; các nhân, hộ gia đình thuế ngân sách cấp xã hưởng 100%
				-	Cá nhân, hộ gia đình		100	
15	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			6	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			Sắp xếp thứ tự sắc thuế theo Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
a	Tiền cho thuê nhà	100		a	Tiền cho thuê nhà	100		
					Do cơ quan đơn vị tỉnh quản lý	100		
					Do cơ quan đơn vị cấp xã quản lý		100	
b	Tiền bán nhà ở	100		b	Tiền bán nhà ở	100		
18	Thu từ xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	100		7	Thu từ xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	100		Sắp xếp thứ tự sắc thuế theo Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
32	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại các công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu.	100		8	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế, cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu	100		Sửa tên theo điểm h, khoản 1, Điều 38 Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 15/6/2025
27	Thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh	100		9	Thu từ quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh	100		
17	Thu từ bán tài sản khác	100		10	Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			Sửa tên khoản thu theo điểm k, Khoản 1, Điều 38 Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
				-	Cơ quan cấp tỉnh quản lý	100		
				-	Cơ quan cấp xã quản lý		100	
24	Viện trợ không hoàn lại của tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài theo quy định của pháp luật			11	Viện trợ không hoàn lại của tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật			Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
-	Nộp ngân sách tỉnh	100		-	Nộp ngân sách tỉnh	100		
-	Nộp ngân sách xã, phường		100	-	Nộp ngân sách xã, phường		100	

Biểu kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị Quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025				Biểu đề xuất từ năm 2026				Ghi chú	
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
				12	Phí (trừ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản) thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện không kể khoản được cấp có thẩm quyền cho khấu trừ để khoán chi phí hoạt động; Phí thu từ hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện, sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật			Bổ sung biểu tương ứng với lời dự thảo Nghị quyết	
					Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100			
					Do các đơn vị cấp xã, phường thu		100		
21	Các khoản Lệ phí theo quy định của pháp luật (trừ Lệ phí trước bạ nhà, đất; Lệ phí môn bài thu từ hoạt động kinh doanh hộ gia đình, cá nhân)			13	Các khoản Lệ phí theo quy định của pháp luật (trừ Lệ phí trước bạ nhà, đất)			Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025	
-	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100		-	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100			
-	Do các đơn vị cấp xã, phường thu		100	-	Do các đơn vị cấp xã, phường thu		100		
31	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phần ngân sách địa phương được hưởng (30% số thu đối với giấy phép do Trung ương cấp, 100% số thu đối với giấy phép do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp); Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định của pháp luật.	100		14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của địa phương cấp phép	100		Sửa tên theo điểm đ, khoản 2, Điều 36 Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025	
22	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do cơ quan nhà nước địa phương ra quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu			15	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quản lý ra quyết định xử phạt			Sửa tên, biên tập lại cho phù hợp điểm p, khoản 1, Điều 38, Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025	
-	Thu phạt, tịch thu do cơ quan cấp tỉnh quản lý ra quyết định	100		-	Thu phạt, tịch thu do cơ quan cấp tỉnh quản lý ra quyết định	100			
-	Thu phạt, tịch thu do Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định		100	-	Thu phạt, tịch thu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ra quyết định		100		
23	Huy động, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước (Theo quy định của pháp luật)			16	Huy động, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước (Theo quy định của pháp luật)			Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025	
-	Nộp ngân sách tỉnh	100		-	Nộp ngân sách tỉnh	100			
-	Nộp ngân sách xã, phường		100	-	Nộp ngân sách xã, phường		100		

Biểu kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị Quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025				Biểu đề xuất từ năm 2026				Ghi chú
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường	
16	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật)	100		17	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật)			Theo Điều 20, Nghị định 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính Phủ
					Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh xử lý	100		
					Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp xã xử lý		100	
25	Thu hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật			18	Thu hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật			Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025; kế thừa phân cấp tại Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 của HĐND tỉnh
-	Do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu	100		-	Do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu	100		
-	Do UBND xã, phường thu		100	-	Do cơ quan, đơn vị xã, phường thu		100	
4	Thuế thu từ hoạt động kinh doanh vận tải của các cá nhân, hộ kinh doanh		100	19	Thuế thu từ hoạt động kinh doanh vận tải của các cá nhân, hộ kinh doanh		100	Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025; kế thừa phân cấp tại Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 của HĐND tỉnh
10	Thu tiền từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100		20	Thu tiền từ bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100		Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
7	Thuế thu nhập cá nhân			21	Thuế thu nhập cá nhân			Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025; kế thừa phân cấp tại Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025 của HĐND tỉnh
a	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100		a	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100		
b	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu thuế; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp xã		100	b	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu thuế; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp xã		100	
c	Thu nhập cá nhân từ quà tặng và thừa kế	100		c	Thu nhập cá nhân từ quà tặng và thừa kế		100	
d	Thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng bất động sản	100		d	Thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, đầu tư vốn, chuyển nhượng bất động sản			
					Do cấp tỉnh quản lý thu	100		
					Do cấp xã quản lý thu		100	
đ	Thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước			đ	Thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước			

Biểu kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị Quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025				Biểu đề xuất từ năm 2026				Ghi chú
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường	
-	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước	100		-	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước	100		
	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu thuế và do UBND xã, phường thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước		100		Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu thuế và do UBND xã, phường thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước		100	
				e	Thuế thu nhập cá nhân của hộ, cá nhân kinh doanh		100	
e	Thuế thu nhập cá nhân từ các khoản thu nhập khác	100		f	Thuế thu nhập cá nhân từ các khoản thu nhập khác			
				-	Do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu	100		
				-	Do cơ quan cấp xã quản lý thu		100	
5	Thuế tiêu thụ đặc biệt	100		22	Thuế tiêu thụ đặc biệt			Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
					Các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu	100		
					Các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu		100	
6	Thuế bảo vệ môi trường	100		23	Thuế bảo vệ môi trường ngân sách địa phương được hưởng theo quy định	100		Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
11	Thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nộp	100		24	Thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nộp	100		Kế thừa Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của HĐND tỉnh
12	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			25	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	Theo quy định Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 khoản thu này không là khoản thu phân chia. Địa phương phân cấp cho cấp xã hưởng 100% để tạo vai trò chủ động cho ngân sách cấp xã
-	Các tổ chức kinh tế nộp	100						
-	Các hộ gia đình nộp		100					
14	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	30	70	26	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100	Theo quy định Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025 khoản thu này không là khoản thu phân chia. Địa phương phân cấp cho cấp xã hưởng 100% để tạo vai trò chủ động cho ngân sách cấp xã
19	Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản	100		27	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản			Sửa tên bỏ cụm từ "hoạt động" cho phù hợp với Luật phí được cụ thể tại địa phương bằng Nghị quyết số 74/2023/NQ-HĐND ngày 18/12/2023 của HĐND nhân dân tỉnh
					Cơ quan cấp tỉnh quản lý thu.	100		
					Cơ quan cấp xã quản lý thu		100	

Biểu kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị Quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025				Biểu đề xuất từ năm 2026				Ghi chú
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường	
20	Các khoản Phí theo quy định của pháp luật			28	Các khoản phí theo quy định của pháp luật			Kế thừa Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của HĐND tỉnh
-	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100		-	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100		
-	Do các đơn vị cấp xã, phường thu		100	-	Do các đơn vị cấp xã, phường thu		100	
13	Lệ phí trước bạ			29	Lệ phí trước bạ			
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất	30	70	-	Lệ phí trước bạ nhà, đất		100	Tăng cường phân cấp, tạo chủ động, trách nhiệm của UBND cấp xã và tăng tính chủ động của cấp xã, phân cấp cho cấp xã hưởng 100%
-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy	100		-	Lệ phí trước bạ ô tô, xe máy		100	
-	Lệ phí trước bạ khác	100		-	Lệ phí trước bạ khác		100	
9	Thu tiền sử dụng đất (không kể thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với nhà trên đất hoặc tài sản khác trên đất thuộc sở hữu nhà nước)			30	Thu tiền sử dụng đất phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo quy định tại điểm h khoản 1, Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.			Sửa tên khoản thu theo điểm g, khoản 2, Điều 36, Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
-	Thu từ quỹ đất tạo ra bởi các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất do cấp tỉnh thực hiện	100		a	Thu từ quỹ đất tạo ra bởi các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng để đấu giá quyền sử dụng đất do cấp tỉnh thực hiện			
				-	Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư	70	30	
				-	Dự án do ngân sách cấp xã đầu tư	30	70	
-	Thu từ việc nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn cấp xã,	100		b	Thu từ việc nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn cấp xã	20	80	
-	Thu từ dự án đầu tư có sử dụng đất giao cho các doanh nghiệp làm chủ đầu tư hoặc nhà đầu tư các dự án trên địa bàn cấp xã	100		c	Các dự án giao cho nhà đầu tư tự bỏ vốn làm chủ dự án và các dự án đầu thầu lựa chọn nhà đầu có sử dụng đất	80	20	
8	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	100		31	Thu tiền thuê đất phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, trừ thu tiền thuê đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo quy định tại điểm h khoản 1, Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025..			Sắp xếp thứ tự sắc thuế theo Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/9/2025
				-	Tổ chức, doanh nghiệp	100		Theo phân cấp của Luật NSNN năm 2015 thì khoản thu này phân cấp có địa phương hưởng 100%, địa phương phân cấp cho cấp huyện hưởng 100%. Khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thì sửa phân cấp về cấp tỉnh hưởng 100% theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. Tuy nhiên Luật NSNN năm 2025 thì khoản thu này thuộc khoản

Biểu kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; Nghị Quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 23/7/2025				Biểu đề xuất từ năm 2026				Ghi chú
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ phân chia (%)		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường	
				-	Cá nhân, hộ gia đình		100	Chính: Tuy nhiên Luật NSNN năm 2025 thì khoản thu này được khoản thu phân chia giữa NSTW và NSDP. Do đó, địa phương phân cấp theo hướng phân chia giữa cấp tỉnh và cấp xã theo đối tượng quản lý thuế: Tổ chức, doanh nghiệp thuế ngân sách tỉnh hưởng 100%; các nhân, hộ gia đình thuế ngân sách cấp xã hưởng 100%
26	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		100	32	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		100	Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
29	Thu chuyển nguồn năm trước sang năm sau			33	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
-	Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh	100		-	Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh	100		
-	Chuyển nguồn ngân sách xã, phường		100	-	Chuyển nguồn ngân sách xã, phường		100	
29	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			34	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
-	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh	100		-	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh	100		
-	Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách xã, phường		100	-	Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách xã, phường		100	
30	Thu kết dư ngân sách năm trước			35	Thu kết dư ngân sách năm trước			Theo quy định của Luật NSNN số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	100		-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	100		
-	Kết dư ngân sách cấp xã		100	-	Kết dư ngân sách cấp xã		100	
33	Thu khác từ đất			36	Thu khác từ đất			Kế thừa Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của HĐND tỉnh
-	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công do cấp tỉnh quản lý	100		-	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công do cấp tỉnh quản lý	100		
-	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công ích do xã, phường quản lý		100	-	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công ích do xã, phường quản lý		100	
34	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật			37	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật			Kế thừa Nghị quyết số 43/2025/NQ-HĐND ngày 25/6/2025 của HĐND tỉnh
-	Thu khác của ngân sách cấp tỉnh	100		-	Thu khác của ngân sách cấp tỉnh	100		
-	Thu khác của ngân sách xã, phường		100	-	Thu khác của ngân sách xã, phường		100	